

2024 肇喜登峰巡迴賽~大戶人家公開賽

2024 CHAU-SHI Series~Wealthy Family Open

第二回合編組表

Starting Times for Round 2



地點：台中高爾夫球場 Taichung Golf & Country Club

上午場 Morning Session

2024年7月18日(星期四) Jul.18,2024

梯台 Tee 1 OUT 西區 WEST COURSE						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinesename	國籍 Country	R1 Score	+/-
1	7:00	Chang Yu-chien	張佑健	TWN	81	11
		Hsu Yu-cheng	許育誠	TWN	74	4
		Chang Chun-yi	張鈞沂	TWN	78	8
2	7:10	Hsu Li-peng	許立朋	TWN	70	E
		Wen Cheng-hsiang	溫楨祥	TWN	72	2
		Kuo Chieh-lun (a)	郭杰倫a	TWN	75	5
3	7:20	Tawit Polthai	塔維特·波爾泰	THA	68	-2
		Li Tung	李 瞳	TWN	75	5
		Huang Mao-fu (a)	黃茂富a	TWN	84	14
4	7:30	Chang Chien , Ko-yen	張簡克諺	TWN	71	1
		Chen Yu-chen	陳宥蓁	TWN	68	-2
		Tseng Fu-tung	曾豐棟	TWN	69	-1
5	7:40	Hsieh Min-hsuan	謝旻軒	TWN	67	-3
		Liu Tse-sen	劉澤森	TWN	73	3
		Varanyu Rattanaphiboonkij	瓦蘭尤·拉塔納菲本基	THA	72	2
6	7:50	Jerry Yang	楊斐皓	TWN	71	1
		Ryunosuke Watanabe	渡邊 龍ノ介	JPN	72	2
		Lin Keng-wei	林耕緯	TWN	68	-2
7	8:00	Liu Yu-jui	劉又睿	TWN	73	3
		Ryusei Yokota	橫田 竜成	JPN	70	E
		Chen Ching-ju	陳慶儒	TWN	76	6
8	8:10	Chen Hui-hung	陳暉泓	TWN	71	1
		Lu Sun-yi	呂孫儀	TWN	71	1
		Ku Po-yun	辜柏雲	TWN	72	2
9	8:20	Huang Yi-tseng	黃議增	TWN	68	-2
		Matt Cheng	鄭存宸	TWN	74	4
		Lee Chao-hua	李昭樺	TWN	73	3
10	8:30	Chen Po-hao	陳伯豪	TWN	74	4
		Huang Wei-hao	黃韋豪	TWN	71	1
		Fang Chuan Wei	方傳崴	TWN	69	-1
11	8:40	Shih Chun-yu	施俊宇	TWN	78	8
		Chen Po-jui	陳柏睿	TWN	72	2
		Tsai Chin-yang	蔡勁陽	TWN	75	5
12	8:50	Chen Wei-sheng	陳威勝	TWN	69	-1
		Su Yen-wei	蘇彥瑋	TWN	77	7
		Liu Yue-lin	劉岳麟	TWN	87	17

梯台 Tee 10 IN 中區 CENTER COURSE						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinesename	國籍 Country	R1 Score	+/-
13	7:05	Chang Tse-yu	張哲瑜	TWN	74	4
		Lin Ta-yu	林大鎬	TWN	73	3
		Yeh Fu	葉 甫	TWN	77	7
14	7:15	Fan Chiang , Hao-chuan	范姜皓詮	TWN	71	1
		Lin Chang-heng	林張恆	TWN	73	3
		Chang Chun-hsiang	張鈞翔	TWN	85	15
15	7:25	Puwit Anupansuebsai	普維特·阿努潘蘇柏賽	THA	71	1
		Chen Tze-chung	陳志忠	TWN	73	3
		Tsai Tsung-yu	蔡宗佑	TWN	67	-3
16	7:35	Lu Wei-chih	呂偉智	TWN	69	-1
		Su Ching-hung	蘇晉弘	TWN	69	-1
		Suteepat Prateeptienchai	蘇提帕·普拉提提查	THA	66	-4
17	7:45	Lee Chieh-po	李玠柏	TWN	65	-5
		Yeh Yu-chen	葉昱辰	TWN	71	1
		Liu Yung-hua	劉永華	TWN	65	-5
18	7:55	Chang Wei-lun	張緯綸	TWN	63	-7
		Chapchai Nirat	查普柴·尼拉特	THA	74	4
19	8:05	Liao Huan-jyun	廖煥鈞	TWN	72	2
		Warun Ieamgaew	瓦萬·利姆高	THA	69	-1
		Liu Yen-hung	劉嚴鴻	TWN	68	-2
20	8:15	Chan Shih-chang	詹世昌	TWN	67	-3
		Wang Wei-Hsuan	王偉軒	TWN	65	-5
		Shinichi Mizuno	水野 眞惟智	JPN	72	2
21	8:25	Ho Yu-cheng	何祐誠	TWN	68	-2
		K.P. Lin	林冠伯	TWN	64	-6
		Chung Ting-hsun (a)	鍾庭勛a	TWN	97	27
22	8:35	Lin Yung-lung	林永龍	TWN	66	-4
		Chen Chieh-sheng	陳傑生	TWN	73	3
		Hsu Chih-kai	許智凱	TWN	76	6
23	8:45	He Chin-hung	何勁宏	TWN	66	-4
		Tseng Tzu-hao	曾子豪	TWN	72	2
		Lin Yu-chen (a)	林宥辰a	TWN	84	14
24	8:55	Shotaro Ban	伴 翔太郎	USA	68	-2
		Lee Tung-chao	李東晁	TWN	85	15
		Chiu Yu-chia	邱昱嘉	TWN	77	7

2024 肇喜登峰巡迴賽~大戶人家公開賽

2024 CHAU-SHI Series~Wealthy Family Open

第二回合編組表

Starting Times for Round 2



地點：台中高爾夫球場 Taichung Golf & Country Club

下午場 Afternoon Session

2024年7月18日(星期四) Jul.18,2024

梯台 Tee 1 OUT 西區 WEST COURSE						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinesename	國籍 Country	R1 Score	+/-
25	11:45	Yeh Wei-tze	葉偉志	TWN	72	2
		Chen Shou-cheng	陳守成	TWN	71	1
		Keisuke Takahashi	高橋慶祐	JPN	66	-4
26	11:55	Lin Chen-chu	林宸駒	TWN	69	-1
		Simon Kuo	郭時雨	TWN	72	2
		Shen Wei-cheng	沈威成	TWN	65	-5
27	12:05	Huang Chi	黃頌	TWN	68	-2
		Chen Yi-tong	陳裔東	TWN	71	1
		Hung Chi-kai (a)	洪棋凱a	TWN	79	9
28	12:15	Kao Teng	高藤	TWN	73	3
		Hung Chao-hsin	洪朝鑫	TWN	72	2
		Brett Munson	布雷特·蒙森	USA	77	7
29	12:25	Hung Chien-yao	洪健堯	TWN	67	-3
		Lai Chia-i	賴嘉一	TWN	75	5
		Anson Pan (a)	潘繹凱a	TWN	76	6
30	12:35	Tsai Shang-kai	蔡尚愷	TWN	73	3
		Thitipan Pachayprakong	迪迪潘·帕蘇普拉克孔	THA	71	1
		Huang Kuan-hsun	黃冠勳	TWN	66	-4
31	12:45	Lu Wen-teh	呂文德 ⁵²	TWN	69	-1
		Huang Pao-ju	黃泊儒	TWN	75	5
		Chiang Wei-tsun (a)	姜威存a	TWN	71	1
32	12:55	Tsai Chi-huang	蔡啟煌	TWN	68	-2
		Chiu Han-ting	邱瀚霆	TWN	68	-2
		Chen Zao-fone (a)	陳兆豐a	TWN	71	1
33	13:05	Wang Ter-chang	汪德昌	TWN	72	2
		Shapiyate Mako	沙比亞特·馬克	TWN	72	2
		Tsai Chen-kai	蔡辰鏞	TWN	73	3
34	13:15	Cho Tsung-lin	卓宗霖	TWN	71	1
		Wang Tsung-chieh	汪聰傑	TWN	71	1
		Chan Chia-han	詹佳翰	TWN	72	2
35	13:25	Chang Yu-cheng	張宇誠	TWN	71	1
		Hung Jui-cheng	洪瑞誠	TWN	69	-1
		Chen Yen-yu	陳彥宇	TWN	72	2
36	13:35	Yang Hsiao-che	楊孝哲	TWN	73	3
		Lin Ming-yeh	林明業	TWN	76	6
		Teng Yu-hao	鄧宇皓	TWN	81	11

梯台 Tee 10 IN 中區 CENTER COURSE						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinesename	國籍 Country	R1 Score	+/-
37	11:40	Hsieh Chi-hsien	謝繼賢	TWN	69	-1
		Kung Te-shu	孔德恕	TWN	81	11
		Wang Sheng-hui	王勝暉	TWN	72	2
38	11:50	Lin Yi-Yuan	林義淵	TWN	72	2
		Lien Lu-sen	連驥森	TWN	69	-1
		Chen Ke-yi	陳科壹	TWN	69	-1
39	12:00	Chiang ian	江以安	TWN	71	1
		Gabriele De Barba	加布裏埃爾·德·巴爾巴	ITA	65	-5
		Wang His-an	王璽安	TWN	69	-1
40	12:10	Yuta Yoshikuwa	吉桑佑太	JPN	73	3
		Chang Yao-Pin	張耀濱	TWN	71	1
		Wen Xin (a)	溫新a	TWN	70	E
41	12:20	Lawrence Ting	丁子軒	TWN	78	8
		Worrasorn Suwanpanang	沃拉松·蘇萬帕南	THA	68	-2
		Huang Bo-ruì	黃柏叡	TWN	77	7
42	12:30	Phatthara Amornwetcharat	帕塔拉·阿蒙威查拉特	THA	73	3
		Lee Chin-chou	李謹州	TWN	76	6
		Chang Chung-yang (a)	張忠揚a	TWN	74	4
43	12:40	Lee Cho-chuan	李卓全	TWN	73	3
		Kento Sakurai	櫻井建都	JPN	86	16
		Chan Yu-wei (a)	詹昱韋a	TWN	68	-2
44	12:50	Pan Fu -chiang	潘福強	TWN	76	6
		Wang Shih-jui	王士瑞	TWN	75	5
		Huang Jin-yao (a)	黃僅堯a	TWN	76	6
45	13:00	Yang Hao	楊豪	TWN	78	8
		Tsai Jui-chieh	蔡瑞杰	TWN	75	5
		Lin Kai-jie (a)	林楷傑a	TWN	72	2
46	13:10	Min Wook Gwon	權珉旭	KOR	70	E
		Yang Jay	楊傑	TWN	76	6
		Li Wei-jun (a)	黎韋峻a	TWN	75	5
47	13:20	Huang Hsiang-hao	黃祥豪	TWN	64	-6
		William Lin	林為超	TWN	75	5
		Lo Cheng-yuan	羅政元	TWN	71	1
48	13:30	Daniel Core	丹尼爾·科爾	CAN	90	20
		Bond Chan	陳偉邦	AUS	73	3
		Yang Kai-jan (a)	楊皚然a	TWN	79	9